

Bản án số: 170/2024/HNGĐ -ST
Ngày: 29-3-2024
V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Phát

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Võ Thanh Nga
- Bà Trần Thị Lan

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Chi – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 382/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110b/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/02/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hoàng Khắc Đ, sinh năm 1985
- Bị đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: 3 Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng Khắc Đ trình bày: Ông và bà Lê Thị N tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, TP. vào năm 2018. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng đã sống ly thân khoảng hơn một năm nay, bà N bỏ đi đâu không rõ. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Lê V, sinh ngày 27/8/2016 và Nguyễn Hoàng Khánh L, sinh ngày 23/10/2017. Từ lúc ly thân đến nay hai con sống chung với ông, do ông trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi ông Đ không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: không có.

Bị đơn bà **Lê Thị N** vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bà **Lê Thị N** cũng không gửi văn bản có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án nên không thể thu thập ý kiến của bà. Căn cứ kết quả xác minh của **Công an P, Quận D, TP .** thì bà **Lê Thị N** có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ **3 Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh** nhưng hiện đang cư trú tại **B N, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh** từ tháng 01/2023 đến nay. Căn cứ kết quả xác minh của **Công an P1, Quận D, TP .** thì bà **N** không có hộ khẩu hay tạm trú tại địa chỉ **Chung cư B N, Phường A, Quận D,** hiện đi đâu không rõ.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ yêu cầu ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc Tòa án thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông **Nguyễn Hoàng Khắc Đ** có đơn xin được ly hôn với bị đơn bà **Lê Thị N**. Bà **Lê Thị N** có địa chỉ cư trú tại **Quận D, TP .** Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: ông **Nguyễn Hoàng Khắc Đ** và bà **Lê Thị N** tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa hai đương sự là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, sau thời gian chung sống, giữa hai người đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do không còn hòa hợp, thương yêu nhau. Cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Theo biên bản xác minh ngày 16/01/2024 của Tòa án nhân dân Quận 4 tại

địa phương thì: “Ông Nguyễn Hoàng Khắc Đ và bà Lê Thị N kết hôn và sống tại địa chỉ 3 Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại chỉ còn ông Đ sống tại đây cùng hai con chung. Bà N đã thuê nhà ở riêng hơn một năm nay. Quá trình chung sống ông Đ và bà N cũng có xảy ra mâu thuẫn”.

Tòa án đã triệu tập rất nhiều lần để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải nhưng bà N không đến và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến cũng như thiện chí muốn hàn gắn tình cảm giữa hai người. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình, việc ông Đ yêu cầu được ly hôn với bà N là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ lời khai nhận của đương sự và giấy khai sinh, có cơ sở xác định hai đương sự có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Lê V, sinh ngày 27/8/2016 và Nguyễn Hoàng Khánh L, sinh ngày 23/10/2017. Ông Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với điều kiện thực tế, cũng như nguyện vọng của con chung nên ghi nhận. Giao cả hai con chung cho ông Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng: ông Đ xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Hoàng Khắc Đ phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 53; 56; 57; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực ngày 01/01/2015;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng Khắc Đ được ly hôn với bà Lê Thị N (Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2018 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, TP. cấp ngày 23/3/2018).

- Về con chung: Ông Nguyễn Hoàng Khắc Đ và bà Lê Thị N có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Lê V, sinh ngày 27/8/2016 và Nguyễn Hoàng Khánh L,

sinh ngày 23/10/2017. Giao cả hai con chung cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoàng Khắc Đ phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2022/0017949 ngày 13/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4. Ông Đ đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lan

Võ Thanh Nga

Huỳnh Tấn Phát

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 4;
- Cơ quan đã thực hiện

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

Huỳnh Tấn Phát

